

Số: 4764 /TTr-BKHCN

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật**

(Phục vụ lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)

Kính gửi: Chính phủ
(qua Bộ Tư pháp thẩm định)

Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 tại Nghị quyết số 89/2023/QH15 ngày 02/6/2023 của Quốc hội; Quyết định số 805/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật; Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (Dự án Luật) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua năm 2006 (Luật số 68/2006/QH11) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2007 là văn bản pháp luật quan trọng, điều chỉnh các quan hệ liên quan đến tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Qua thực tiễn hơn 15 năm thi hành, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đã đưa hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được nâng lên cả chất và lượng; phân công thẩm quyền, trách nhiệm và sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức minh bạch, phù hợp với quy định WTO và thông lệ quốc tế, góp phần thúc đẩy nâng cao năng suất chất lượng, năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa chủ lực của Việt Nam.

Tuy nhiên, Đảng ta đã ban hành nhiều văn bản, nghị quyết thể chế hóa chủ trương, chỉ đạo mới đối với lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội bền vững, tăng cường hội nhập quốc tế; đồng thời, thực tiễn thi hành luật thời gian qua cho thấy Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đã phát sinh một số hạn chế, bất cập, đòi hỏi phải sửa đổi để phù hợp với các cam kết trong FTA thế hệ mới, đáp ứng yêu cầu khách quan của thực tiễn sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, phát triển kinh tế xã hội bền vững, cụ thể như sau:



1. Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước

Trong bối cảnh Việt Nam mở cửa thị trường, hội nhập quốc tế sâu rộng, dẫn đến hoạt động kinh tế đi vào chiều sâu, thực chất hơn, doanh nghiệp xuất khẩu ngày càng đối mặt với nhiều quy định, yêu cầu nghiêm ngặt về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại các thị trường nước ngoài. Bên cạnh đó, với chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; chủ động đổi mới sáng tạo, tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia; vị trí, vai trò của công tác tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được cụ thể hoá thông qua các Nghị quyết sau:

Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã đề ra một trong những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện thể chế về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là *“Hoàn thiện thể chế để phát triển đồng bộ, vận hành thông suốt các thị trường, trong đó xây dựng và thực hiện các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường phù hợp với yêu cầu trong nước và cam kết quốc tế, bảo vệ hợp lý thị trường trong nước, không để bị nước ngoài thâm tóm, thao túng”*.

Nghị quyết số 38-2017/NQ-CP ngày 25/4/2017 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cũng đề ra nhiệm vụ *“Rà soát bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp luật để bảo đảm sự tương thích giữa quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam với các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, đặc biệt về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đánh giá phù hợp...”*.

Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 đã xác định nhiệm vụ *“Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công bố hợp chuẩn, công bố quy trình đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo hướng nâng cao tính tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp về chất lượng sản phẩm; tăng cường công tác hậu kiểm”*.

Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo, trong đó Chính phủ giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ *“Chủ trì nghiên cứu đề xuất sửa đổi các luật quản lý chuyên ngành đối với sản phẩm, hàng hóa để đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính và cam kết tại các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”* và tại Phụ lục của Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP đã chỉ rõ trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ cần phải sửa đổi, bổ sung Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng đã xác định rõ “*Thực hiện định danh, công nhận, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với các sản phẩm, công nghệ, mô hình kinh doanh mới*”.

2. Các vấn đề đặt ra trong việc triển khai thi hành các cam kết về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật theo các điều ước quốc tế

Cùng với quá trình mở cửa nền kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài, Việt Nam đã tham gia, ký kết nhiều điều ước quốc tế liên quan tới hoạt động tiêu chuẩn chất lượng như Hiệp định về Hàng rào kỹ thuật trong Thương mại (WTO/TBT), Công ước quốc tế về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR). Bên cạnh đó, gần đây, Việt Nam đã ký kết nhiều FTA thế hệ mới như FTA Việt Nam - Hàn Quốc (*Hiệp định VKFTA, hiệu lực từ ngày 20/12/2015*); FTA giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á-Âu (*Hiệp định VN - EAEU FTA, hiệu lực từ ngày 5/10/2016*), kể cả các FTA thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (*Hiệp định CPTPP, có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 14/01/2019*), FTA giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (*Hiệp định EVFTA, hiệu lực từ ngày 01/8/2020*).

Ngày 12/11/2018, Quốc hội Việt Nam đã phê chuẩn Hiệp định CPTPP theo Nghị quyết số 72/2018/QH14. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP, trong đó, Điểm b Điều 3 Mục II Những nhiệm vụ chủ yếu liên quan đến công tác xây dựng pháp luật, thể chế giao nhiệm vụ sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt ban hành theo đúng với lộ trình đã quy định của Hiệp định CPTPP, theo đó, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật phải được sửa đổi, bổ sung để thực hiện một số nghĩa vụ về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Chương 8) quy định trong Hiệp định CPTPP như: về quy trình đánh giá sự phù hợp quy định các nước thành viên không được đối xử phân biệt giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp đặt trụ sở tại các nước CPTPP với các tổ chức đặt trụ sở tại lãnh thổ nước mình, không được yêu cầu các tổ chức đánh giá sự phù hợp phải đặt trụ sở hay đặt văn phòng đại diện trên lãnh thổ nước mình.

Việt Nam cũng đã ký kết Hiệp định EVFTA với Liên minh châu Âu ngày 30/6/2019. Ngày 06/8/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1201/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định EVFTA. Các nghĩa vụ liên quan đến lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phải thi hành trong Hiệp định EVFTA (Chương 5) theo đó, Hiệp định này quy định Điều 5.7 về Minh bạch hóa theo đó, một số nghĩa vụ như: đảm bảo các chủ thể kinh tế và những người quan tâm khác của nước thành viên được phép tham gia vào các tham vấn công khai chính thức liên quan đến quá trình xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, với các điều kiện không kém thuận lợi hơn dành cho các pháp nhân hoặc thể nhân của Việt Nam; trong trường hợp thực hiện đánh giá tác động, thông báo cho Bên kia, khi có yêu cầu, kết quả của việc đánh giá tác động của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật...

Ngày 06/7/2021 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 18/NQ-CP về việc phê duyệt Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (Hiệp định RCEP). Các

nghĩa vụ liên quan đến lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phải thi hành trong Hiệp định RCEP (Chương 6 Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại) đã quy định về minh bạch hóa. Nội dung của nghĩa vụ này yêu cầu các bên thừa nhận tầm quan trọng của tính minh bạch liên quan đến việc xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp như: tham vấn công khai, đảm bảo rằng các bên quan tâm của bên kia được phép tham gia vào các tham vấn công khai chính thức liên quan đến quá trình xây dựng, đánh giá tác động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp...

Do vậy, các nghĩa vụ trong các Hiệp định FTA trên cần phải được xem xét đưa vào nội dung sửa đổi, bổ sung của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 để phù hợp với các điều ước mà Việt Nam đã ký kết.

3. Các bất cập trong thực tiễn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật

1.1. Về hội nhập quốc tế và yêu cầu minh bạch hoá

Cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng trong khuôn khổ WTO, APEC, ASEAN..., thời gian qua Việt Nam đã ký kết các FTA thế hệ mới (EVFTA, CPTPP, RCEP...) với các quy định, cam kết sâu, mở rộng hơn trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Trong các FTA thế hệ mới đều có điều khoản quy định về nghĩa vụ minh bạch hóa liên quan đến xây dựng, công bố, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp nhằm loại bỏ rào cản kỹ thuật trong thương mại. Luật TC&QCKT đã đưa ra các nguyên tắc chung về xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hợp tác quốc tế, đồng thời, các điều khác của Luật TC&QCKT đã lồng ghép các quy định, cam kết về minh bạch hóa, hoạt động thông báo, hỏi đáp về quá trình xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp. Tuy nhiên, các quy định này ở mức cơ bản, chỉ phù hợp tại thời điểm năm 2007 khi Việt Nam mới gia nhập WTO, khi quy mô hội nhập kinh tế quốc tế, năng lực tham gia chuỗi cung ứng, sản xuất quốc tế chưa sâu rộng như hiện nay. Vì vậy, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật không còn hoàn toàn phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế theo các FTA thế hệ mới với các cam kết mở hơn cho phép các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia sâu vào hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đồng thời, phải tuân thủ các yêu cầu cao hơn, chặt chẽ hơn về tính công khai, minh bạch liên quan đến hoạt động xây dựng, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp trong quá trình thúc đẩy thuận lợi hóa thương mại quốc tế, khu vực.

Về hợp tác quốc tế, Luật TC&QCKT quy định những nội dung mang tính nghĩa vụ, thụ động của Việt Nam khi hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chưa phát huy tính chủ động, tích cực của Việt Nam tham gia vào hoạt động tiêu chuẩn quốc tế.

Nhìn chung, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật chưa quy định đầy đủ về nghĩa vụ minh bạch hóa của Việt Nam cũng như thẩm quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ thông báo, hỏi đáp hàng rào kỹ thuật trong thương mại (tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp), chưa tương xứng với mức độ cam

kết minh bạch hóa của Việt Nam trong các FTA thế hệ mới, khi nội dung này trong các Hiệp định được quy định trong một điều riêng biệt, thể hiện tầm quan trọng vấn đề này.

1.2. Về xã hội hoá hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn

Trong tình hình kinh tế, xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu thị trường áp dụng tiêu chuẩn trên nhiều lĩnh vực ngày càng đa dạng, tăng cao. Trong khi đó, hiện nay, nguồn lực xây dựng TCVN chủ yếu tập trung vào các cơ quan, ngân sách nhà nước nên số lượng, tính đa dạng của TCVN được công bố hàng năm không đáp ứng đầy đủ nhu cầu thị trường, tổ chức, doanh nghiệp. Kinh nghiệm của các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, các quốc gia phát triển và thực tiễn của Việt Nam cho thấy, việc xây dựng tiêu chuẩn phải tôn trọng, ưu tiên nhu cầu thị trường, như vậy mới đáp ứng được yêu cầu về quản lý, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; nếu không tập trung vào thị trường, thì các tiêu chuẩn được công bố, áp dụng sẽ không hiệu quả, gây lãng phí nguồn lực của nhà nước và doanh nghiệp. Hơn ai hết, chính doanh nghiệp là hạt nhân của hoạt động tiêu chuẩn hóa, trực tiếp sản xuất kinh doanh, thấu hiểu nhu cầu thị trường, mong muốn của khách hàng. Việc xây dựng tiêu chuẩn phải có sự tham gia, xây dựng đầy đủ của các bên liên quan mà trong đó đặc biệt là từ phía doanh nghiệp.

1.3. Về hoạt động đánh giá sự phù hợp

Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là văn bản nền tảng, cơ sở tiên quyết cho hoạt động đánh giá sự phù hợp (thử nghiệm, chứng nhận, giám định). Tuy nhiên, hiện nay, quy định về khái niệm, nguyên tắc chung, quyền và nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp giữa Luật TC&QCKT và Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa chưa thống nhất, gây bất cập, khó khăn cho hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp và doanh nghiệp. Ngoài ra, theo cam kết tại các FTA thế hệ mới, hiện nay một số quy định trong Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đã không còn phù hợp với thông lệ quốc tế, đó là quy định hoạt động cung cấp dịch vụ xuyên biên giới (không cần sự hiện diện pháp nhân của các tổ chức chứng nhận nước ngoài tại Việt Nam), ví dụ: Khoản 1, khoản 2 Điều 8.6 Hiệp định CPTPP (quy định bắt buộc) và Điều 6.4 của Hiệp định WTO/TBT (khuyến khích áp dụng).

Hoạt động công nhận tại Việt Nam dù đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên, hoạt động công nhận hiện nay tương đối tách biệt, chỉ tập trung vào khía cạnh kinh tế, chưa thống nhất một chương trình đánh giá đồng bộ, sự phối hợp, thừa nhận kết quả của nhau rất hạn chế, gây tốn kém cho doanh nghiệp, lãng phí nguồn lực xã hội, chưa đảm bảo tính thống nhất quản lý nhà nước. Một số đối tượng hàng hóa, dịch vụ, môi trường đánh giá sự phù hợp có nguy cơ gây mất an toàn, an ninh cao nếu không được các tổ chức chứng nhận, thử nghiệm, giám định có năng lực, chất lượng tốt thực hiện, sẽ gây ra những ảnh hưởng lớn đến kinh tế xã hội, tài sản, tính mạng người dân. Hơn nữa, theo xu hướng thế giới, hiện nay hoạt động công nhận mở rộng phạm vi hoạt động bao gồm cả công nhận cho tổ chức chứng nhận năng lực cá nhân, tổ chức sản xuất mẫu chuẩn, phòng xét nghiệm y tế, tổ chức có hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, tổ chức có hoạt động

kiểm tra xác nhận... là những hoạt động đã bắt đầu xuất hiện tại Việt Nam, nhưng Luật TC&QCKT chưa có quy định điều chỉnh.

1.4. Về nguyên tắc, đối tượng, căn cứ, trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố, ban hành TCVN, QCVN, QCDP; hoạt động xây dựng, quản lý tiêu chuẩn cơ sở

Thứ nhất, về quy trình xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn, ban hành quy chuẩn kỹ thuật

Một số quy định trong Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật điều chỉnh hoạt động xây dựng, thẩm định, công bố TCVN, ban hành quy chuẩn kỹ thuật đã không còn phù hợp với thực tiễn như: chưa có quy định về đánh giá tác động khi xây dựng QCVN khiến một số QCVN sau khi ban hành không phù hợp trong thực tiễn áp dụng, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; chưa có quy định về trình tự, thủ tục rút gọn khi xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn, ban hành quy chuẩn kỹ thuật trong trường hợp khẩn cấp vì an toàn, thiên tai, dịch bệnh; chưa có quy định về việc áp dụng các TCVN đã bị huỷ bỏ; chưa có quy định việc đính chính nội dung TCVN...

Mặt khác, hoạt động xây dựng, ban hành, áp dụng quy chuẩn địa phương (QCDP) thời gian qua phát triển mạnh, do yêu cầu thực tiễn tại các địa phương cần phải tăng cường quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm soát ô nhiễm môi trường, quy hoạch đô thị..., đặc biệt tại các thành phố lớn, khu công nghiệp tập trung. Nhưng quy định trong Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật hướng dẫn QCDP lại khá chung chung, chưa cụ thể, không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn xây dựng, áp dụng QCDP tại địa phương. Vì vậy, các địa phương còn lúng túng khi tiến hành xây dựng, thẩm định, áp dụng QCDP trong thực tế hiện nay, đặc biệt là đối với các QCDP có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực.

Thứ hai, về đối tượng của QCVN thuộc bí mật nhà nước

Hiện nay, Luật TC&QCKT chưa có quy định cụ thể về việc xây dựng QCVN cho đối tượng thuộc bí mật nhà nước, tạo ra những cách hiểu, diễn giải chưa thống nhất với quy định tại Luật Dự trữ quốc gia. Theo khoản 4 Điều 14 Luật Dự trữ quốc gia, Bộ Tài chính có trách nhiệm “Chủ trì, phối hợp với bộ ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia” (không giới hạn đối tượng hàng dự trữ quốc gia thuộc bí mật nhà nước). Các quy định nêu trên đã dẫn đến vướng mắc, khó khăn khi quá trình thẩm định QCVN theo quy định tại Luật TC&QCKT phải đảm bảo thủ tục xây dựng công khai lấy ý kiến các bên liên quan, trong khi các mặt hàng dự trữ quốc gia thuộc đối tượng bí mật nhà nước dùng để phục vụ cho quốc phòng, an ninh lại không thể tuân thủ theo quy định, thủ tục lấy ý kiến rộng rãi tất cả các bên liên quan theo Luật TC&QCKT.

Thứ ba, quản lý nhà nước về tiêu chuẩn cơ sở

Về bản chất hoạt động xây dựng tiêu chuẩn của cơ quan nhà nước thể hiện tính quyền lực, phục vụ công ích, áp dụng trên phạm vi rộng, phù hợp với việc xây dựng, áp dụng TCVN hơn. Theo quy định của Luật TC&QCKT, tiêu chuẩn cơ sở

(TCCS) được xây dựng và chỉ áp dụng trong giới hạn phạm vi hoạt động của tổ chức công bố TCCS, nên không phù hợp với hoạt động quản lý nhà nước. Tuy nhiên, trong thực tiễn quy định này đã làm phát sinh một số trường hợp lách luật khi cơ quan quản lý nhà nước xây dựng, công bố TCCS (theo quy định pháp luật chỉ được áp dụng giới hạn trong phạm vi của cơ quan nhà nước đó, nhưng thực tế lại áp dụng cho các tổ chức, cá nhân liên quan trên phạm vi toàn quốc), gây khó khăn cho các tổ chức, cá nhân trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

Bên cạnh đó, thực tiễn hiện nay, một số tổ chức, doanh nghiệp xây dựng TCCS mang tính chất đối phó, không đi vào thực chất của tiêu chuẩn là nhằm nâng cao năng suất chất lượng, đảm bảo chất lượng, an toàn. Quy định, cơ chế quản lý TCCS hiện nay rất mở, tổ chức, doanh nghiệp chỉ cần thông báo tiêu chuẩn áp dụng thông qua hình thức ghi số hiệu tiêu chuẩn hoặc các đặc tính cơ bản trên nhãn, bao gói sản phẩm hàng hóa, hoặc trong các tài liệu giao dịch liên quan. Vì vậy, công tác quản lý nhà nước gặp nhiều khó khăn trong việc thống kê, cập nhật thông tin, số liệu về TCCS; khó khăn, hạn chế trong công tác hậu kiểm chất lượng, truy xuất nguồn gốc, xử lý vi phạm về chất lượng liên quan tới TCCS, ảnh hưởng tới quyền lợi người tiêu dùng.

1.5 Về tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và trong hoạt động quản lý, khai thác tiêu chuẩn

Quy định hiện nay về thẩm quyền xuất bản, phát hành TCVN (Khoản 1 Điều 21) đang tạo ra cách hiểu chưa thống nhất, dẫn đến bất cập, hạn chế trong tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chưa có sự phối hợp hiệu quả giữa Bộ Khoa học và Công nghệ với các bộ, ngành, tổ chức, cá nhân liên quan trong hoạt động xuất bản, phát hành TCVN. Ngoài ra, việc chưa có cơ sở dữ liệu đầy đủ về tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn cơ sở khiến việc tra cứu, áp dụng tiêu chuẩn đối với các đối tượng có nhu cầu như doanh nghiệp, người dân gặp khó khăn. Để nắm được thông tin về các tiêu chuẩn cho các sản phẩm, hàng hóa, quy trình... theo mong muốn, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thường xuyên phải liên hệ với cơ quan nhà nước về tiêu chuẩn hoặc qua công ty cung cấp dịch vụ để được đáp ứng nhu cầu.

Do vậy, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật cần phải được sửa đổi, bổ sung để tạo thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

1.6 Về tổ chức, hoạt động của ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia, sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương và nhân lực hoạt động trong hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Thứ nhất, về tổ chức, hoạt động của Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia

Các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, khu vực, quốc gia đều xác định Ban kỹ thuật là trung tâm của hoạt động xây dựng tiêu chuẩn, là tổ chức kỹ thuật quy tụ các chuyên gia hàng đầu trong từng lĩnh vực tiêu chuẩn cụ thể. Theo quy định, các FTA thế hệ mới yêu cầu các thành viên ký kết phải cho phép các tổ chức, chuyên gia nước ngoài được trực tiếp tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (Điều 8.7 Hiệp định CPTPP quy định bắt buộc và Hiệp định WTO/TBT khuyến khích áp dụng). Tuy nhiên, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật chưa quy định thành

viên ban kỹ thuật là chuyên gia nước ngoài. Trong thực tiễn hiện nay, nhu cầu của các doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp FDI cử chuyên gia nước ngoài tham gia ban kỹ thuật TCVN là rất lớn. Bên cạnh đó, mặc dù hiện nay hàng hóa Việt Nam đã xuất khẩu đến hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, nhưng Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật chưa có quy định về việc tham gia các ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế (ISO, IEC, ITU, Codex...). Đây là hoạt động cần đẩy mạnh, thể hiện tính chủ động hội nhập quốc tế, loại bỏ rào cản kỹ thuật đối với hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam, phù hợp chủ chương, chính sách của Đảng, Chính phủ.

Thứ hai, về công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Bộ KH&CN với vai trò là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Bộ KH&CN đã chủ động xây dựng các chương trình quốc gia, kế hoạch, định hướng phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia; hướng dẫn, hỗ trợ cho các bộ, ngành rà soát, sửa đổi, xây dựng mới các TC&QCKT do các bộ, ngành quản lý không bị chồng chéo, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, đáp ứng yêu cầu quản lý, phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, người dân.

Tuy nhiên, trên thực tế, công tác phối hợp này còn gặp những khó khăn, vướng mắc nhất định, chủ yếu xuất phát từ sự phối hợp của các cơ quan liên quan hoặc thiếu quy định pháp luật hướng dẫn cụ thể, trong đó, có sự hạn chế về nguồn lực tài chính cho hoạt động xây dựng, thanh tra, kiểm tra hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và phối hợp trong hoạt động thông báo hỏi đáp tới tổ chức quốc tế và cảnh báo kịp thời cho hiệp hội, doanh nghiệp trong nước.

Thứ ba, về nhân lực hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Hiện nay, đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại các địa phương trong một số lĩnh vực còn yếu, chưa được đào tạo chuyên sâu, trang thiết bị, cơ sở vật chất chưa đáp ứng đầy đủ để thực hiện các hoạt động về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Luật TC&QCKT còn thiếu các chính sách thiết thực trong việc tập trung đầu tư phát triển nhân lực tiêu chuẩn hóa đạt trình độ quốc tế; áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt để đào tạo, thu hút, sử dụng hiệu quả nhân lực về tiêu chuẩn trong nước và ngoài nước, nhất là lực lượng tài năng trẻ trong hoạt động nghiên cứu, xây dựng, triển khai áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; thiếu các chính sách đào tạo về tiêu chuẩn ngay trong trường đại học, trường dạy nghề như kinh nghiệm của một số quốc gia trong khu vực.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Mục đích

- Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Bảo đảm hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phục vụ hiệu quả quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khoẻ con người; bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

- Nâng cao tính khả thi của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Tiếp thu, nội luật hóa các cam kết quốc tế, bảo đảm sự tương thích giữa quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam với các FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp, đặc biệt là các quy định liên quan đến minh bạch hóa, giảm thiểu các rào cản kỹ thuật trong thương mại, thuận lợi hóa thương mại.

2. Quan điểm chỉ đạo

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (sửa đổi) được xây dựng dựa trên các quan điểm chỉ đạo sau đây:

- *Thứ nhất*, thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng về việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

- *Thứ hai*, xây dựng khung pháp lý nhằm triển khai hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp, đảm bảo sự thống nhất trong việc áp dụng pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp, góp phần tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng.

- *Thứ ba*, bảo đảm tính khả thi khi áp dụng trên thực tiễn và sự đồng bộ của hệ thống pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp.

- *Thứ tư*, nội luật hóa các quy định tại các cam kết quốc tế của Việt Nam trong FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp theo tinh thần của Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương về “Thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Ngày 02/6/2023, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 89/2023/QH15 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, trong đó, dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều

của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV.

Ngày 06/7/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 805/QĐ-TTg về Phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, luật pháp lệnh năm 2023 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 đã giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, trình Chính phủ vào tháng 01/2024.

Ngày 15/8/2023, Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (Quyết định số 1793/QĐ-BKHCN) xây dựng hồ sơ dự án Luật theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Hồ sơ dự án Luật đã được gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Khoa học và Công nghệ để lấy ý kiến nhân dân. Các ý kiến đóng góp đã được Ban soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật.

Ngày xx/xx/2023, Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Bộ Tư pháp thẩm định Hồ sơ dự án Luật.

Ngày xx/xx/2023, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số xx/BCTĐ-BTP thẩm định dự án Luật. Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để hoàn thiện dự án Luật và các tài liệu kèm theo trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Bố cục, phạm vi sửa đổi, bổ sung

Dự thảo Luật gồm có 03 điều và được bố cục như sau:

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (trong điều này sửa đổi, bổ sung 37 điều của 05 chương (Chương I, II, III, IV, V), cụ thể là:

- Sửa đổi, bổ sung 26 điều: Điều 3, 6, 7, 8, 11, 12, 14, 15, 16, 17, 19, 20, 21, 22, 27, 29, 32, 33, 35, 36, 48, 49, 50, 51, 53, 54, 55, 57, 59, 60.

- Bổ sung 11 điều: Điều 8a, 8b, 8c, 8d, 19a, 35a, 43a, 43b, 51a, 51b, 57a.

- Thay thế một số từ, cụm từ tại một số điều, khoản, điểm; Bãi bỏ 08 điều (Điều 52, Điều 64, Điều 65, Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 69, Điều 71), và một số khoản, điểm của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (điểm c khoản 1 Điều 27).

Điều 2: Bổ sung, thay thế, bỏ một số từ, cụm từ tại một số điều, khoản, điểm của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 3: Hiệu lực thi hành.

Sau khi sửa đổi, bổ sung thì Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật có 06 chương và 74 điều (giảm 01 chương và tăng 03 điều so với Luật hiện hành).

2. Nội dung cơ bản

2.1 Về phần Những quy định chung

2.1.1. Sửa đổi, bổ sung một số khái niệm tại Điều 3 Giải thích từ ngữ, cụ thể là các khái niệm “Hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn hóa”; “Đánh giá sự phù hợp”; “Thử nghiệm”; “Giám định”; “Xác nhận giá trị sử dụng”; “Kiểm tra xác nhận”; “Mẫu chuẩn”; “Thử nghiệm thành thạo”; “công nhận”; “Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia”; “Tiêu chuẩn quốc gia”; “Tiêu chuẩn quốc tế”; “Tiêu chuẩn khu vực”; “Tiêu chuẩn cơ sở” đảm bảo các khái niệm trên thống nhất với các khái niệm, định nghĩa, giải thích trong Hiệp định WTO/TBT, các Hiệp định Thương mại tự do (FTA), tiêu chuẩn hoá quốc tế (ISO, IEC, ITU) đã được WTO công nhận tạo sự thông hiểu, thống nhất khái niệm giữa Luật của Việt Nam và quy định, thông lệ quốc tế nhằm thuận lợi hóa thương mại.

Trong xu thế hội nhập sâu rộng hiện nay, quá trình tham gia vào các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, ký kết các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới đòi hỏi các quốc gia cần có quy định cụ thể về cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia để thuận tiện cho hoạt động hợp tác quốc tế, thuận lợi hóa thương mại. Cụ thể: Điều 5.5 Hiệp định EVFTA quy định: “1. Hai Bên khẳng định nghĩa vụ của mình theo Điều 4.1 của Hiệp định WTO/TBT để đảm bảo rằng các *cơ quan tiêu chuẩn hoá của mình* chấp nhận và tuân thủ Quy chế Thực hành tốt trong việc xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn tại Phụ lục 3 của Hiệp định WTO/TBT...”. Điều 6.6 Hiệp định RCEP quy định: “1. Đối với việc biên soạn, chấp nhận và áp dụng tiêu chuẩn, *mỗi Bên phải đảm bảo rằng cơ quan tiêu chuẩn hóa của mình hoặc các cơ quan biên soạn, chấp nhận và áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia chấp thuận và phù hợp với Phụ lục 3 của Hiệp định WTO/TBT*”. Ngoài các quy định tại Hiệp định EVFTA và RCEP đã nêu trên, Hiệp định WTO/TBT (Khoản J Phụ lục 3 khuyến nghị mỗi quốc gia bảo đảm rằng chương trình công tác của *cơ quan trung ương về tiêu chuẩn hóa* được đăng thông báo công khai) và CPTPP (Điều 8.7 quy định mỗi Bên phải cho phép người của các Bên khác tham gia vào quá trình xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, và quy trình đánh giá hợp quy *do các cơ quan trung ương của mình thực hiện*) đều có quy định về cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia.

Như vậy, các Hiệp định về cơ bản yêu cầu các nước thành viên cử một cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia là đại diện cho quốc gia mình.

Hiện nay, các quốc gia trên thế giới đều quy định về một cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia của mình là đại diện tham gia vào các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ví dụ: Trung Quốc (SAC), Hoa Kỳ (ANSI), Đức (DIN), Anh (BSI), Ấn Độ (BIS), Nhật Bản (JISC), Hàn Quốc (KAST)...) và các nước ASEAN cũng quy định tương tự (tại Thái Lan là Viện Tiêu chuẩn công nghiệp Thái Lan (TISI) thuộc Bộ Công nghiệp; tại Malaysia là Tổng cục Tiêu chuẩn Malaysia (DSM) thuộc Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường; tại Singapore là Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia (Enterprise Singapore); tại Indonesia là Cơ quan tiêu chuẩn hoá quốc gia trực thuộc Chính phủ (BSN); tại Philippine là Cục Tiêu chuẩn Philippine thuộc Bộ Thương mại và Công nghiệp (BPS)), mặc dù, các quốc gia này có thể có nhiều tổ chức tiêu chuẩn hóa khác nhau, nhằm đảm bảo sự thống nhất hoạt động tiêu chuẩn

theo định hướng của quốc gia, bảo vệ lợi ích quốc gia trong hoạt động tiêu chuẩn hóa quốc tế.

Dự thảo Luật bổ sung quy định về Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia, theo đó, đây là cơ quan trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, có nhiệm vụ quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Hiện nay, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ) thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và là đại diện của Việt Nam tham gia vào các tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế (ISO, IEC...). Do vậy, quy định trên (nói cách khác là chỉ định một Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia) sẽ không tổ chức thành bộ máy và không phát sinh biên chế, nên phù hợp với văn bản pháp luật hiện hành và Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

2.1.2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6 (về Các nguyên tắc cơ bản của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật):

- Bổ sung nội dung về “Việc xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phải dựa trên đổi mới sáng tạo” so với quy định trước đây là chỉ “dựa trên tiến bộ khoa học và công nghệ” để phù hợp với xu thế phát triển hiện nay về ứng dụng công nghệ, giải pháp đổi mới sáng tạo trong mọi lĩnh vực đời sống, xã hội.

- Bổ sung quy định “Thực hiện đánh giá tác động một cách toàn diện, đảm bảo không gây trở ngại không cần thiết đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại.” nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật khi được ban hành áp dụng phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Bổ sung quy định “Bảo đảm tính thống nhất của hệ thống tiêu chuẩn và hệ thống quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, phù hợp quy định pháp luật về đo lường, chất lượng, góp phần trực tiếp nâng cao hạ tầng chất lượng quốc gia” so với quy định trước đây “Bảo đảm tính thống nhất của hệ thống tiêu chuẩn và hệ thống quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam” nhằm đảm bảo sự thống nhất về hạ tầng chất lượng quốc gia, tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Bổ sung nguyên tắc “Bảo đảm sự tham gia của các tổ chức, cá nhân nước ngoài vào quá trình xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên” để phù hợp với các quy định của các Hiệp định Thương mại tự do (FTA), nguyên tắc xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn của các Tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế (ISO, IEC, ITU), theo đó, cho phép các tổ chức, cá nhân nước ngoài được tham gia đóng góp ý kiến vào hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp.

2.1.3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 (về Chính sách của nhà nước về phát triển hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật):

- Bổ sung chính sách “Phát triển hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, chương trình, đề án trọng điểm quốc gia và yêu cầu hội nhập quốc tế nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia”, hiện nay, tất cả các quốc gia trên thế giới

đều nhận thức tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là biện pháp kỹ thuật, công cụ đặc lực nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Do vậy, trong chiến lược phát triển của các quốc gia đều có nội dung về phát triển hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của mình, đặc biệt trong các năm gần đây, tiêu chuẩn liên quan đến kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, biến đổi khí hậu... được các quốc gia quan tâm xây dựng, triển khai áp dụng.

- Bổ sung chính sách “Tập trung nguồn lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước và nước ngoài cho các tổ chức nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, hiệp hội, hội, doanh nghiệp triển khai nghiên cứu, đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp để xây dựng tiêu chuẩn quốc gia” nhằm đưa các kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học đi vào thực tiễn thông qua tiêu chuẩn áp dụng trong thực tế. Tại các quốc gia phát triển, các công trình, đề tài nghiên cứu tại các tập đoàn kinh tế, trường đại học, viện nghiên cứu... cho các sản phẩm đều được xem xét xây dựng thành tiêu chuẩn, để tạo lợi thế cạnh tranh cho chính sản phẩm của tập đoàn, doanh nghiệp trước đối thủ (sản phẩm công nghệ cao, dược phẩm,...).

- Bổ sung các chính sách nhà nước nhằm phổ cập, đào tạo, bồi dưỡng lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho tất cả các đối tượng theo xu thế chung của các quốc gia trên thế giới khi các quốc gia (đặc biệt là các quốc gia trong khu vực: Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore...) đã đưa chương trình đào tạo tiêu chuẩn hoá vào các cấp học trong hệ thống giáo dục quốc gia (các trường đại học, dạy nghề).

- Bổ sung chính sách “Phát triển nền tảng số quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nhằm kết nối và chia sẻ giữa các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và kết nối với các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, khu vực, nước ngoài.” đây là xu thế chung trong việc triển khai ứng dụng công nghệ số, nền tảng số, chính phủ điện tử của các quốc gia trên thế giới để các cơ quan quản lý nhà nước có thể phục vụ hiệu quả người dân, doanh nghiệp.

- Bổ sung chính sách “Tôn vinh, khen thưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật”.

2.1.4 Sửa đổi, bổ sung Điều 8 (về hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật):

- Bổ sung quy định “Nhà nước hỗ trợ các đại diện của Việt Nam tham gia vào các hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc tế và khu vực”.

- Bổ sung quy định “Nhà nước tạo điều kiện xây dựng thành tiêu chuẩn quốc tế đối với các sản phẩm trọng điểm, ưu tiên, chủ lực, đặc thù của Việt Nam”.

- Bổ sung quy định “Nhà nước đảm bảo bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước đối với các hoạt động hợp tác, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo, tham gia các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ là thành viên nhằm thúc đẩy thuận lợi hoá thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua hàng rào kỹ thuật trong thương mại”.

Các quy định trên không chỉ thúc đẩy hoạt động hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn của Việt Nam, thể hiện vai trò đóng góp tích cực của Việt Nam vào các hoạt động

quốc tế. Đồng thời, các hoạt động trên cũng hỗ trợ đắc lực hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam ra thị trường thế giới, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực xuất khẩu của Việt Nam (gạo, cà phê, hải sản...).

2.1.5. Bổ sung Điều 8a về Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia: quy định, nội dung, nhiệm vụ của Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia làm cơ sở để định hướng hoạt động tiêu chuẩn hóa, phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia, đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất chất lượng, năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy hội nhập quốc tế.

Các quốc gia phát triển (Hoa Kỳ, Đức, Nhật Bản...) và các quốc gia trong khu vực như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Indonesia... đã xây dựng Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia của mình. Đặc biệt, Trung Quốc là quốc gia đã đạt được thành tựu to lớn khi xây dựng và triển khai có hiệu quả Chiến lược tiêu chuẩn hóa ngay sau khi gia nhập WTO khi nâng cao vị thế, cải tiến chất lượng, đưa sản phẩm Trung Quốc xuất khẩu ra toàn thế giới.

2.1.6. Bổ sung Điều 8b về Hạ tầng chất lượng quốc gia, theo đó, bổ sung các quy định, nội dung, mục tiêu của Hạ tầng chất lượng quốc gia đảm bảo phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, đồng bộ, hiện đại và gắn với nền công nghiệp ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) được coi là nền tảng cơ bản của thương mại quốc tế, là tiền đề để các quốc gia trên thế giới, nhất là các quốc gia đang phát triển, tiếp cận thị trường quốc tế theo nguyên tắc hiện đại. Hiện nay, các nước đang phát triển trong khu vực rất quan tâm tới việc xây dựng Hạ tầng chất lượng quốc gia và nâng cao chỉ số Hạ tầng chất lượng quốc gia của mình. Khi một quốc gia có chỉ số Hạ tầng chất lượng quốc gia cao hơn quốc gia khác, đồng nghĩa, chất lượng sản phẩm hàng hoá của quốc gia đó sẽ cao hơn và thu được lợi nhuận khi xuất khẩu cao hơn các quốc gia khác (Ví dụ: so sánh chỉ số NQI năm 2021 của Singapore (xếp 31), Thái lan (xếp 34), Việt Nam (xếp 51), Campuchia (128)).

2.1.7. Bổ sung Điều 8c (về minh bạch hóa và hoạt động thông báo, hỏi đáp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp):

- Bổ sung quy định “Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực thi các nghĩa vụ minh bạch hóa và tuân thủ các nguyên tắc về thông báo, công bố thông tin, hỏi đáp, xử lý quan ngại thương mại về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp theo các cam kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên” đảm bảo tất cả các tổ chức, cá nhân (đặc biệt là các cơ quan quản lý nhà nước) tuân thủ đầy đủ các điều ước mà Việt Nam đã ký kết trong hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đặc biệt, khi hàng rào về thuế quan dần bị loại bỏ, thì các hàng rào kỹ thuật (tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật) hiện nay được các quốc gia quan tâm xây dựng. Đồng thời, quy định Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia là đầu mối quốc gia tham gia đàm phán và thực thi các cam kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên phù hợp với các điều ước quốc tế, cam kết quốc tế về

tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp trong các hiệp định thương mại tự do đa phương, song phương mà Việt Nam đã tham gia.

- Bổ sung các chính sách của Nhà nước đối với hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại như: Phát triển hạ tầng thông báo và hỏi đáp quốc gia; Tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp trong và ngoài nước về thực thi các hiệp định thương mại tự do đa phương, song phương; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia hoạt động loại bỏ hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

2.1.8. Bổ sung Điều 8d về hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, theo đó, quy định Nhà nước đầu tư xây dựng và đảm bảo điều kiện vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nhằm kết nối, chia sẻ thông tin hiệu quả giữa trung ương với địa phương, giữa cơ quan quản lý với doanh nghiệp, hỗ trợ cung cấp thông tin tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho các đối tượng có nhu cầu tiếp cận thông tin.

2.2 Về xây dựng, công bố và áp dụng tiêu chuẩn

2.2.1 Sửa đổi, bổ sung Điều 11 (về trách nhiệm xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn), theo đó, quy định Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia và công bố tiêu chuẩn quốc gia có đối tượng không thuộc danh mục bí mật nhà nước; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia và công bố tiêu chuẩn quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước; đồng thời, sửa đổi, bổ sung Điều 14 về trách nhiệm trong công tác lập kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước để đảm bảo thống nhất trách nhiệm quản lý quy định giữa Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

2.2.2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 12, theo đó, bổ sung loại tiêu chuẩn về ghi nhãn, bao gói, vận chuyển và bảo quản để phù hợp với định nghĩa trong tiêu chuẩn quốc tế ISO về loại tiêu chuẩn ghi nhãn, phù hợp với xu thế ứng dụng công nghệ trong ghi nhãn sản phẩm, hàng hoá (công nghệ đọc, nhận dạng, thu thập dữ liệu trong chuỗi giá trị cung ứng).

2.2.3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 15 theo đó, quy định tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí của mình nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, hỗ trợ nghiên cứu xây dựng quy chuẩn kỹ thuật được hưởng ưu đãi về thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và các quy định pháp luật khác có liên quan; đồng thời, được quyền đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng thành tiêu chuẩn quốc gia đối với tiêu chuẩn cơ sở tổ chức đã công bố.

2.2.4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 16 (về Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia), theo đó, bổ sung quy định thành viên ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia bao gồm đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ, hội, hiệp hội, doanh nghiệp, các tổ chức khác có liên quan, người tiêu dùng và các chuyên gia trong nước và nước ngoài để đảm bảo phù hợp nguyên tắc xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn của các Tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế (ISO, IEC, ITU), cam kết trong FTA thế hệ mới.

2.2.5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 17 (về Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia), theo đó:

- Sửa đổi, bổ sung quy định “Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia với thời hạn thẩm định không quá ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ” so với quy định trước đây là sau mười ngày để giảm thời gian xây dựng, công bố TCVN, phù hợp với công tác quản lý nhà nước và tình hình thực tiễn khi tổ chức, doanh nghiệp mong muốn được áp dụng tiêu chuẩn trong thời gian sớm nhất có thể.

Đối với tiêu chuẩn quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia và công bố tiêu chuẩn quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

2.2.6. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 (về rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia), theo đó,

- Bổ sung quy định về “đánh chính tiêu chuẩn quốc gia” để đảm bảo việc xây dựng, công bố TCVN phù hợp với thực tiễn, tránh tình trạng phải tiến hành quy trình sửa đổi, bổ sung TCVN (quy trình tương tự xây dựng TCVN mới, gây mất nhiều thời gian) đối với các TCVN có sai sót nhỏ về nội dung biên tập như lỗi chính tả, thể thức, kỹ thuật trình bày trong TCVN mà không ảnh hưởng đến nội dung, yêu cầu kỹ thuật của TCVN.

- Bổ sung quy định về việc “áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia đã hủy bỏ” để phù hợp với thực tiễn khi hiện nay nhiều bộ, ngành, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố do đã phê duyệt TCVN áp dụng cho các công trình, dự án. Nhưng sau đó, TCVN liên quan bị hủy bỏ, thay thế bằng TCVN mới, dẫn đến lúng túng trong khâu chỉ đạo, điều hành, xác định tính hồi tố của TCVN mới.

2.2.7. Sửa đổi, bổ sung Điều 19a, bổ sung quy định về “Xây dựng, công bố, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ tiêu chuẩn quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn” trong các trường hợp: trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Trường hợp cần hủy bỏ tiêu chuẩn quốc gia được viện dẫn trong văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật có nội dung trái pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, quy định cụ thể về trách nhiệm của người được quyền ra quyết định việc áp dụng thủ tục rút gọn này và thời gian tối thiểu để tổ chức thẩm định, công bố tiêu chuẩn, đảm bảo chất lượng và thời gian công bố tiêu chuẩn sớm nhất có thể. Ví dụ: khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát, quy trình xây dựng TCVN chống dịch (khẩu trang, găng tay y tế, trang thiết bị y tế chống dịch...) sẽ được rút ngắn để công bố, phục vụ kịp thời công tác phòng, chống dịch; các quy định này phù hợp với Hiệp định WTO/TBT, các Hiệp định FTA mà Việt Nam đã ký kết.

2.2.8 Sửa đổi, bổ sung khoản 3 của Điều 20 (về xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở), theo đó, bổ sung quy định tổ chức, cá nhân công bố tiêu chuẩn cơ sở có trách nhiệm thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; Trình tự, thủ tục xây dựng, công bố, thông báo tiêu chuẩn cơ sở thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ nhằm đảm bảo các cơ quan nhà nước có đầy đủ cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn cơ sở của doanh nghiệp, phục vụ hoạt động giám sát, kiểm tra khi cần thiết của cơ quan nhà nước, đây là biện pháp không phát sinh thủ tục hành chính, đồng thời, với quy định này sẽ nâng cao ý thức chấp hành pháp luật tiêu chuẩn của doanh nghiệp, hiện nay, một số quốc gia đã áp dụng mô hình này (ví dụ: Trung Quốc cũng đã triển khai công thông tin điện tử để doanh nghiệp thông báo bằng phương thức điện tử về tiêu chuẩn của doanh nghiệp tới cơ quan nhà nước).

2.2.9. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 (về xuất bản, phát hành tiêu chuẩn):

- Bổ sung quy định cho phép các bộ, ngành có thể xuất bản, phát hành TCVN do mình tổ chức xây dựng dự thảo, sau khi có sự thống nhất với Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bổ sung quy định “Tiêu chuẩn quốc gia có nguồn kinh phí xây dựng từ ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn quốc gia được viện dẫn trong các quy chuẩn kỹ thuật được công khai rộng rãi, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định về bản quyền tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài của các tổ chức ban hành tiêu chuẩn làm căn cứ xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia này”.

- Bổ sung quy định đối với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia thực hiện việc xuất bản, phát hành theo quy định của tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực về tiêu chuẩn mà Việt Nam là thành viên; đối với tổ chức mà Việt Nam không là thành viên thực hiện theo thỏa thuận với tổ chức ban hành tiêu chuẩn; đồng thời, bổ sung quy định việc xuất bản, phát hành tiêu chuẩn phải phù hợp với các quy định pháp luật về xuất bản, các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật khác có liên quan nhằm đảm bảo hoạt động xuất bản, phát hành tiêu chuẩn giữa các cơ quan, doanh nghiệp của Việt Nam tuân thủ theo quy định, luật pháp quốc tế về sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan.

2.3 Về xây dựng, ban hành và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật

2.3.1 Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2, theo đó, quy định rõ “Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có đối tượng không thuộc danh mục bí mật nhà nước; cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước.” đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

2.3.2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 29, theo đó, bổ sung quy định Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan có liên quan tổ chức xây dựng, lấy ý kiến rộng rãi, phê duyệt, thông báo công khai kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày

phê duyệt để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống quy chuẩn kỹ thuật và phù hợp với khuyến nghị về thông báo kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật của quốc gia mình tới các nước thành viên theo đúng quy định của các Hiệp định FTA (khoản 4 Điều 8.7 Sự minh bạch Chương 8 Hàng rào kỹ thuật trong thương mại, Hiệp định CPTPP) mà Việt Nam đã ký kết. Đối với QCVN thuộc danh mục bí mật nhà nước, bổ sung quy định “việc lấy ý kiến, thông báo kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.”.

2.3.3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 32 (về Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật), theo đó:

- Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) theo quy định tại Điều 33 của Luật này. Thời hạn thẩm định không quá ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ so với quy định trước đây là sau mười ngày để giảm thời gian xây dựng, ban hành QCVN, phù hợp với yêu cầu trong công tác quản lý nhà nước.

- Đối với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước, Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể trình tự thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước.

- Đối với xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCĐP), bổ sung quy định các bộ, ngành có thẩm quyền phải có ý kiến trả lời Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong thời hạn ba mươi ngày khi được lấy ý kiến đối với QCĐP. Trường hợp QCĐP có nội dung phức tạp, liên quan nhiều lĩnh vực, các bộ, ngành có thể thành lập đội đồng xem xét, đánh giá hồ sơ QCĐP nhằm bảo đảm hồ sơ xây dựng QCĐP được xem xét, đánh giá kỹ lưỡng trước khi ban hành.

2.3.4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 33 Nội dung thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, theo đó, bổ sung nội dung thẩm định về “Sự phù hợp của quy chuẩn kỹ thuật với quy định của pháp luật, cam kết quốc tế về đo lường, chất lượng” (trước đây, chỉ quy định “tiêu chuẩn”) để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, khai thác hiệu quả hạ tầng chất lượng quốc gia.

2.3.5 Sửa đổi, bổ sung Điều 35 (về rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật), theo đó, bổ sung quy định về “đính chính quy chuẩn kỹ thuật” để đảm bảo việc xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với thực tiễn, loại bỏ bất cập hiện nay phải tiến hành quy trình sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật (quy trình tương tự xây dựng quy chuẩn kỹ thuật mới, tốn nhiều thời gian) đối với các quy chuẩn kỹ thuật có sai sót nhỏ về nội dung biên tập như lỗi chính tả, thể thức trình bày, số hiệu quy chuẩn kỹ thuật... mà không ảnh hưởng đến quy định kỹ thuật, yêu cầu quản lý của quy chuẩn kỹ thuật.

2.3.6 Bổ sung Điều 35a vào sau Điều 35 (về xây dựng, ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật theo trình tự, thủ tục rút gọn), theo đó, với các trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Trường

hợp cần ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của quy chuẩn kỹ thuật để kịp thời bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Trường hợp cần hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật trái pháp luật hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, quy định cụ thể về trách nhiệm của người được quyền ra quyết định việc áp dụng thủ tục rút gọn này và thời gian tối thiểu để tổ chức thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật, đảm bảo chất lượng và thời gian ban hành quy chuẩn kỹ thuật sớm nhất có thể phục vụ hoạt động quản lý nhà nước phù hợp với thực tiễn và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2.3.7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm tại khoản 1 Điều 36 (về xuất bản, phát hành quy chuẩn kỹ thuật), theo đó, bổ sung quy định xuất bản, phát hành phù hợp với các quy định pháp luật về xuất bản, sở hữu trí tuệ...; đối với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và gửi văn bản quy chuẩn kỹ thuật đến Bộ Khoa học và Công nghệ.

2.4 Về đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật

2.4.1. Bổ sung Điều 43a, 43b vào sau Điều 43, theo đó, bổ sung các nội dung về thử nghiệm, giám định.

2.4.2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 48 (về công bố hợp quy), theo đó, bổ sung quy định thử nghiệm phục vụ chứng nhận hợp quy hoặc tự đánh giá của tổ chức, cá nhân do tổ chức thử nghiệm được công nhận và đã đăng ký thực hiện, bổ sung quy định “đã đăng ký thực hiện” (trước đây chỉ quy định “do tổ chức thử nghiệm được công nhận thực hiện”) nhằm đảm bảo kết quả thử nghiệm được đánh giá bởi các tổ chức đã đăng ký hoạt động đầy đủ, theo đúng quy định của nhà nước. Như vậy, với quy định mới sẽ bao gồm: tổ chức thử nghiệm được công nhận và đã đăng ký thực hiện hoặc do tổ chức thử nghiệm được chỉ định thực hiện.

2.4.3 Sửa đổi, bổ sung Điều 49 (về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận hợp quy), theo đó, bổ sung quy định “Lựa chọn tổ chức chứng nhận sự phù hợp, tổ chức thử nghiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Luật này”, bổ sung thêm nội dung “lựa chọn tổ chức thử nghiệm” để đảm bảo tổ chức, cá nhân không chỉ có quyền lựa chọn tổ chức chứng nhận sự phù hợp, mà còn được lựa chọn tổ chức thử nghiệm phù hợp thông lệ quốc tế, đảm bảo lợi ích của tổ chức, cá nhân.

2.4.4. Sửa đổi, bổ sung Điều 50 (về các tổ chức đánh giá sự phù hợp):

- Sửa “Đơn vị sự nghiệp hoạt động dịch vụ kỹ thuật.” thành “Tổ chức khoa học và công nghệ” để phù hợp với quy định về tổ chức của Luật Khoa học và Công nghệ.

- Sửa “Chi nhánh của tổ chức chứng nhận nước ngoài tại Việt Nam.” thành “Tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài tại Việt Nam” để đảm bảo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Đầu tư năm 2020 và các văn bản hướng dẫn.

2.4.5. Sửa đổi, bổ sung Điều 51 (về điều kiện hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp), theo đó, bổ sung quy định “Đáp ứng các điều kiện khác đối với ngành

nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định pháp luật liên quan.” để đảm bảo phù hợp quy định của Luật Đầu tư năm 2020.

2.4.6. Bổ sung Điều 51a (về quyền của tổ chức đánh giá sự phù hợp) theo đó, quy định các nội dung về quyền cơ bản của tổ chức đánh giá sự phù hợp như: quyền tiến hành các hoạt động đánh giá sự phù hợp và cung cấp kết quả đánh giá sự phù hợp; quyền được thanh toán chi phí cho hoạt động đánh giá sự phù hợp của mình; quyền cấp, cấp lại, thu hẹp phạm vi hoặc tạm đình chỉ, thu hồi giấy xác nhận sự phù hợp đã cấp cho các đối tượng được đánh giá sự phù hợp; quyền được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật. Các quyền này phù hợp với các quy định của các Hiệp định Thương mại tự do (FTA), tiêu chuẩn về đánh giá sự phù hợp của các Tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế (ISO, IEC, ITU) đã được WTO công nhận, quy định về quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp của các nước trên thế giới, trong khu vực tạo sự thống nhất quy định giữa Luật của Việt Nam và quy định, thông lệ quốc tế nhằm thuận lợi cho hoạt động thương mại.

2.4.7. Bổ sung Điều 51b (về nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp) theo đó, quy định các nội dung về nghĩa vụ cơ bản của tổ chức đánh giá sự phù hợp như: nghĩa vụ phải đáp ứng điều kiện hoạt động đã được quy định tại Điều 51 của Luật này; không được từ chối cung cấp dịch vụ khi không có lý do chính đáng; nghĩa vụ bảo mật các thông tin, số liệu, kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức được đánh giá sự phù hợp, trừ trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu; bảo đảm công khai, minh bạch, độc lập, khách quan, chính xác và không phân biệt đối xử về xuất xứ hàng hóa và tổ chức, cá nhân; bồi thường thiệt hại trong trường hợp cung cấp sai kết quả đánh giá sự phù hợp ... Các nghĩa vụ này phù hợp với các quy định của các Hiệp định Thương mại tự do (FTA), tiêu chuẩn về đánh giá sự phù hợp của các Tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế (ISO, IEC, ITU) đã được WTO công nhận, quy định về quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp của các nước trên thế giới, trong khu vực tạo sự thống nhất quy định giữa Luật của Việt Nam và quy định, thông lệ quốc tế nhằm thuận lợi cho hoạt động thương mại.

2.4.8. Sửa đổi, bổ sung Điều 53 (về hoạt động công nhận), theo đó, bổ sung quy định về các tổ chức được công nhận như: Tổ chức chứng nhận (hệ thống quản lý, năng lực cá nhân, sản phẩm, quá trình và dịch vụ); tổ chức sản xuất mẫu chuẩn; tổ chức cung cấp thử nghiệm thành thạo; phòng xét nghiệm y tế; tổ chức có hoạt động xác nhận giá trị sử dụng; tổ chức có hoạt động kiểm tra xác nhận; các tổ chức đánh giá sự phù hợp khác có liên quan.” để đảm bảo phù hợp quy định của các tiêu chuẩn quốc tế (ISO, IEC) về đánh giá sự phù hợp, tạo thuận lợi cho giao dịch, thương mại quốc tế của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, phù hợp với thông lệ quốc tế.

2.4.9. Sửa đổi, bổ sung Điều 54 (về tổ chức công nhận), theo đó, bổ sung quy định về Tổ chức công nhận quốc gia.

Hoạt động công nhận là một phần quan trọng nhất của một quốc gia để đảm bảo chất lượng, năng lực và sự tin cậy của hệ thống đánh giá sự phù hợp - đảm bảo chất lượng của hoạt động thử nghiệm, hiệu chuẩn, chứng nhận và giám định. Việt

Nam đã tham gia hoạt động tại các Tổ chức Công nhận quốc tế và khu vực như Tổ chức công nhận Châu Á-Thái Bình Dương (APAC), Tổ chức Công nhận các phòng thí nghiệm quốc tế (ILAC) và Diễn đàn công nhận quốc tế (IAF). Đến nay, Việt Nam đã có 03 Tổ chức công nhận là Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA), Văn phòng Công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng (AOSC), Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam (VACI). Đối với hoạt động công nhận hiện nay tại Việt Nam dù đã đạt được những thành tựu nhất định, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn và hội nhập quốc tế. Vai trò quản lý nhà nước và chất lượng hoạt động các tổ chức công nhận cần phải được cải thiện hơn nữa. Bên cạnh đó, các tổ chức công nhận hoạt động độc lập nên việc phối hợp tham gia mạng lưới công nhận quốc tế còn manh mún, thiếu tính dẫn dắt, định hướng phát triển chung của nhà nước, dẫn đến hội nhập quốc tế trong lĩnh vực này còn hạn chế, thúc đẩy thương mại quốc tế chưa phát huy hết tiềm năng.

Cụ thể, một số quy định về hoạt động công nhận hiện vẫn còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với yêu cầu tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại, nhất là thương mại quốc tế dẫn đến các tổ chức, cá nhân kinh doanh xuất nhập khẩu không được hưởng các điều kiện thuận lợi như: không phải thực hiện lại việc chứng nhận, hiệu chuẩn, thử nghiệm, giám định ở nước nhập khẩu, tiết kiệm kinh phí.... Thực tiễn quản lý hoạt động công nhận thời gian qua đã và đang đặt ra yêu cầu với việc quản lý thống nhất và chặt chẽ hơn hoạt động công nhận, làm cho hoạt động công nhận có hiệu quả và đáp ứng các yêu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh và hội nhập quốc tế sâu rộng của đất nước, đồng thời xử lý dứt điểm để khắc phục tình trạng tồn tại hoạt động công nhận không có cơ sở pháp lý, trái với quy định của pháp luật hiện hành, vừa gây lo ngại cho các đối tượng được cấp chứng chỉ công nhận, cũng như đối tác quốc tế đánh giá chưa cao về hệ thống công nhận của Việt Nam.

Hiện nay, đa số các quốc gia trên thế giới đều có một tổ chức công nhận quốc gia. Trường hợp một quốc gia có nhiều tổ chức công nhận, thì quốc gia đó chỉ định một tổ chức công nhận quốc gia của mình là đại diện tham gia hoạt động công nhận quốc tế. Trong khuôn khổ hợp tác ASEAN, theo Điều 4.1 của Hướng dẫn ASEAN về Hoạt động công nhận và đánh giá sự phù hợp quy định rõ: Mỗi quốc gia thành viên ASEAN phải chỉ định một Tổ chức Công nhận Quốc gia (National Accreditation Body) là tổ chức chịu trách nhiệm về hoạt động công nhận để đảm bảo tính thống nhất trong thực hiện các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau giữa các thành viên ASEAN; trong trường hợp có nhiều hơn một tổ chức công nhận, mỗi quốc gia thành viên phải chỉ định Cơ quan điều phối công nhận quốc gia (National Accreditation Coordinating Body).

Kinh nghiệm của các nước như Anh, Pháp, Trung Quốc, Serbia, Singapore, Malaysia... đã thành lập Tổ chức công nhận quốc gia nhằm đảm bảo hoạt động công nhận được tổ chức, hoạt động một cách thống nhất, bài bản nhằm nâng cao năng lực, chất lượng của các tổ chức công nhận, đưa công nhận trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực cho các cơ quan quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá quốc gia, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Theo văn bản pháp luật của Cộng đồng Châu Âu (EC Regulation No 765/2008) quy định mỗi quốc gia thành

viên chỉ định một tổ chức công nhận quốc gia nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo chất lượng hoạt động công nhận trong Cộng đồng Châu Âu.

Việc quy định Tổ chức công nhận quốc gia theo như dự thảo Luật sẽ không làm phát sinh bộ máy hành chính, biên chế. Hiện nay, Văn phòng Công nhận Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (BoA) là đơn vị công nhận có uy tín, năng lực (đã công nhận cho gần 1500 Phòng thí nghiệm, Phòng thí nghiệm Y tế, Tổ chức giám định, Tổ chức chứng nhận khắp cả nước) và đã tham gia hoạt động tại các Tổ chức Công nhận quốc tế và khu vực như Tổ chức công nhận Châu Á – Thái Bình Dương (APAC), Tổ chức Công nhận các phòng thí nghiệm quốc tế (ILAC) và Diễn đàn công nhận quốc tế (IAF), có thể trở thành Tổ chức công nhận quốc gia của Việt Nam. Do vậy, việc thành lập Tổ chức công nhận quốc gia sẽ không tổ chức thành bộ máy và không phát sinh biên chế, phù hợp với văn bản pháp luật hiện hành và Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

2.4.10. Sửa đổi, bổ sung Điều 54 (về tổ chức công nhận), theo đó, bổ sung quy định về Hội đồng công nhận quốc gia

Theo thông lệ quốc tế, hội đồng công nhận quốc gia nằm trong tổ chức công nhận quốc gia, thực hiện chức năng nghiên cứu, tư vấn cơ chế, chính sách về quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát và phát triển hoạt động công nhận phù hợp nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, hạ tầng chất lượng quốc gia và hội nhập quốc tế; Tham mưu, tư vấn hoạt động của tổ chức công nhận quốc gia phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và cam kết hội nhập quốc tế.

Các quy định về hội đồng công nhận quốc gia phù hợp với quy định của TCVN ISO/IEC 17011:2017 về Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu chung đối với tổ chức công nhận các tổ chức đánh giá sự phù hợp hiện đang được các tổ chức, quốc gia căn cứ để xây dựng Chương trình đánh giá cũng như xây dựng các quy định quản lý nhà nước đối với tổ chức công nhận, cụ thể: Điều 4.4.5 quy định tổ chức công nhận phải lập thành văn bản và thực hiện quá trình để đưa ra cơ hội cho sự tham gia có hiệu lực của các bên quan tâm để bảo vệ tính khách quan. Tổ chức công nhận phải đảm bảo sự đại diện cân bằng của các bên quan tâm mà không có bên nào chiếm ưu thế.

Hội đồng công nhận quốc gia (với thành viên là các lãnh đạo quản lý của các bộ quản lý chuyên ngành, chuyên gia có chuyên môn sâu...) hoạt động có tính chất tư vấn chính sách và thuộc tổ chức công nhận quốc gia. Do vậy, sẽ không tổ chức thành bộ máy và không phát sinh biên chế.

2.4.11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 57 (về thoả thuận thừa nhận lẫn nhau), theo đó, sửa đổi quy định từ “Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ liên quan tổ chức thực hiện các thoả thuận thừa nhận lẫn nhau” thành “các Bộ theo chức năng quản lý nhà nước chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện các thoả thuận thừa nhận lẫn nhau sau khi có sự thống nhất với Bộ Khoa học và Công nghệ” để đảm bảo sự chủ động, trách nhiệm chính trong hoạt động này theo đúng chức năng quản lý được giao, đúng định hướng của Chính phủ về việc phân cấp, phân quyền (một cơ quan chịu trách nhiệm chính, không làm thay nhiệm vụ của

cơ quan khác), nhưng đồng thời, phải đảm bảo Bộ Khoa học và Công nghệ nghệ quản lý thống nhất, tránh chồng chéo, xung đột hoạt động này giữa các bộ ngành, nhất là các lĩnh vực có sự giao thoa giữa các ngành.

2.4.12 Bổ sung Điều 57a (về chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp), theo đó, quy định “Cơ quan quản lý nhà nước xem xét, quyết định chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài có đủ năng lực và được công nhận căn cứ điều kiện về năng lực do cơ quan quản lý nhà nước quy định để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước” đáp ứng nhu cầu thực tế hiện nay, khi năng lực thử nghiệm, chứng nhận theo quy chuẩn, tiêu chuẩn mới còn hạn chế, đặc biệt là lĩnh vực công nghệ cao (công nghệ viễn thông 5G, vạn vật kết nối IOT, công nghệ bán dẫn...), chưa có phòng thử nghiệm ở Việt Nam đánh giá được, gây khó khăn, bất cập cho doanh nghiệp khi triển khai áp dụng, đánh giá. Đồng thời, quy định “Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của nhau khi các kết quả đánh giá sự phù hợp được thực hiện bởi tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được chỉ định hoặc công nhận” để giảm chi phí, nguồn lực xã hội, người dân khi các tổ chức, cơ sở thừa nhận kết quả thử nghiệm, xét nghiệm.

2.5. Về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật

2.5.1. Sửa đổi, bổ sung Điều 59 (về trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ), theo đó, bổ sung một số quy định như sau:

- Xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược quốc gia về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật; tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

- Về tổ chức công nhận quốc gia để thống nhất trách nhiệm quản lý quy định tại Điều 54.

- Về xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, thực hiện thống kê về lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật thống nhất và nâng cao trách nhiệm quản lý phù hợp xu thế áp dụng công nghệ 4.0 hiện nay.

- Về phối hợp với Bộ Tài chính bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để đảm bảo phục vụ hoạt động kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đặc biệt đối với những vấn đề cấp thiết, phát sinh tác động lớn đến kinh tế, xã hội, an toàn người dân như: xăng dầu giả, an toàn thực phẩm, cháy nổ...

- Về phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính và các bộ ngành liên quan tìm kiếm, chuyên giao, khai thác tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, nước ngoài để phục vụ quốc phòng, an ninh nhằm đảm bảo sự quản lý thống nhất hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại Việt Nam, đặc biệt liên quan đến các ngành, lĩnh vực trọng yếu của quốc gia.

2.5.2. Sửa đổi, bổ sung Điều 60 về trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, theo đó, bổ sung quy định: Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện hoạt động thông báo, hỏi đáp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp thuộc lĩnh vực được phân công quản lý nhằm nâng cao công tác thông báo tới các quốc gia thành viên khi bối cảnh hiện nay các quốc gia thành viên WTO, FTA rất quan tâm thường xuyên có ý kiến đối với dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, đảm bảo tuân thủ đúng quy định quốc tế, tránh tình trạng các quốc gia thành viên phản ánh, nêu quan ngại khi không kịp thời thông báo.

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật cho các đối tượng đặc thù thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, cơ yếu.

V. TÍNH THỐNG NHẤT VỚI CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRONG CÙNG LĨNH VỰC VÀ CÁC LĨNH VỰC CÓ LIÊN QUAN

Để bảo đảm tính thống nhất, Dự thảo Luật đã được rà soát với các luật khác trong cùng lĩnh vực và các lĩnh vực có liên quan, cụ thể như sau:

1. Nhóm các luật, bộ luật có nội dung quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật: qua rà soát cho thấy có 79 Luật, Bộ luật có nội dung quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chia làm 9 nhóm, gồm: Nhóm các luật về dân sự; Nhóm các luật về quy hoạch, kết cấu hạ tầng, xây dựng, nhà ở, công nghiệp gồm Bộ luật Hàng hải; Nhóm các luật về nông nghiệp; Nhóm các luật về hành chính công; Nhóm các luật về khoa học và công nghệ; Nhóm các luật về đầu tư, thương mại; Nhóm các luật về quốc phòng, an ninh; Nhóm các luật về xã hội; Nhóm các luật về tài nguyên, môi trường; Nhóm các luật về tư pháp có Bộ luật Hình sự.

2. Nhóm các Luật không có nội dung quy phạm pháp luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật nhưng có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật: qua rà soát, có 25 luật.

3. Nhóm các luật, bộ luật có nội dung vướng mắc, chồng chéo với Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật: qua rà soát cho thấy, có 5 trong tổng số 104 Luật có nội dung vướng mắc, chồng chéo với Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, bao gồm: (1) Luật Khoa học và công nghệ, (2) Luật Dự trữ quốc gia, (3) Luật An toàn thực phẩm, (4) Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, (5) Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Các văn bản hướng dẫn thi hành hoặc văn bản pháp luật khác cần phải sửa đổi để phù hợp với các quy định tại dự thảo Luật cũng đã được rà soát và được thể hiện cụ thể trong Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật (xin gửi kèm theo Tờ trình).

VI. TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN

Hiện nay, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 chưa đáp ứng đầy đủ các điều ước quốc tế và nghĩa vụ trong các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia.

Các quy định của dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung nêu trên sẽ đảm bảo hệ thống các văn bản pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật đầy đủ và đồng bộ, tạo nên khung pháp lý cần thiết cho việc triển khai hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đảm bảo sự thống nhất trong việc áp dụng pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, góp phần tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, phù hợp với thông lệ quốc tế, phù hợp với Hiệp định WTO/TBT và các Chương về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại của các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP,...).

VII. LÒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ ÁN LUẬT

Qua rà soát nội dung của dự thảo Luật cho thấy các quy định đã đáp ứng các nguyên tắc bình đẳng giới, theo đó nam giới và nữ giới được bình đẳng trong việc tham gia vào các hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quy định như nhau với cả hai giới mà không quy định cụ thể nào cho từng giới. Tất cả các quy định đều không có sự phân biệt về giới tính, qua đó quyền bình đẳng giới được thể hiện rất rõ: nữ giới và nam giới khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định sẽ có các quyền và nghĩa vụ như nhau.

Do đó, các quy định trong dự thảo Luật không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện quyền và nghĩa vụ khi tham gia của mỗi giới; quyền lợi được áp dụng chung, không có sự phân biệt đối xử về giới, không gây bất bình đẳng về giới.

VIII. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỀ NGUỒN NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ BẢO ĐẢM THI HÀNH LUẬT

Sau khi Luật được Quốc hội thông qua sẽ có một số các hoạt động chủ yếu gồm: xây dựng các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật (bao gồm cả sửa đổi, bổ sung các văn bản hiện hành), các hoạt động tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật (in ấn tài liệu phổ biến, đăng bài trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức hội thảo, tập huấn để phổ biến những nội dung mới của Luật, v.v.); triển khai thi hành Luật và theo dõi, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực thi Luật theo thời gian định kỳ hoặc đột xuất; đào tạo, nâng cao năng lực cho các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, cá nhân v.v.. Chi phí cho các hoạt động trên sẽ được dự toán chi từ nguồn ngân sách nhà nước, đồng thời, huy động sự tham gia, đóng góp từ các đối tượng khác (các nhà tài trợ, các dự án hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế, v.v.).

Tuy nhiên, việc quy định các chính sách nêu trên không làm phát sinh đáng kể chi phí cho quản lý nhà nước về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, do không thay đổi nhiều cơ chế quản lý hiện hành.

Do vậy, với điều kiện thực tế hiện nay về tài chính, cơ sở vật chất, công nghệ, nguồn nhân lực tại các cơ quan quản lý nhà nước về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật đủ nguồn lực, điều kiện cơ bản cho việc thi hành Luật sau khi được Quốc hội thông qua.

Trên đây là Tờ trình Chính phủ về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Tài liệu xin gửi kèm theo Tờ trình để Bộ Tư pháp thẩm định, gồm:

(i) Dự thảo Luật; (ii) Báo cáo kết quả rà soát Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; (iii) Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý và bản chụp các công văn góp ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức; (iv) Bảng so sánh giữa Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 với dự thảo Luật; (v) Nghị quyết số 159/NQ-CP ngày 12/12/2022 của Chính phủ Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 11 năm 2022./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, TĐC.



Huỳnh Thành Đạt

